

Số: ~~1479~~ BT/TTT - CATTT

Hà Nội, ngày ~~10~~ tháng 5 năm 2016

V/v lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định
quy định về bảo đảm an toàn hệ thống
thông tin theo cấp độ

Kính gửi:

UBND. TỈNH KHÁNH HÒA

ĐẾN Số: 2129
Ngày: 19/5

Chuyển.....

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 19/11/2015, Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật an toàn thông tin mạng và Luật sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016. Triển khai xây dựng văn bản hướng dẫn luật, theo chương trình công tác làm việc của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị định quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Do yêu cầu phải sớm xây dựng văn bản hướng dẫn để đưa luật vào cuộc sống, Bộ Thông tin và Truyền thông đã khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Nội dung chính của dự thảo Nghị định bao gồm: tiêu chí, thẩm quyền, trình tự thủ tục xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin theo từng cấp độ. Dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng phân cấp mạnh cho chủ quản hệ thống thông tin trong việc xác định cấp độ và thực hiện bảo vệ theo cấp độ. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn về biện pháp bảo vệ theo cấp độ.

Bên cạnh việc quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, dự thảo Nghị định đưa ra quy định về tổ chức, bộ máy, giao cho các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng ban hành chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan tổ chức nhà nước; bố trí kinh phí cho hoạt động đảm bảo an toàn thông tin.

Song song với việc xây dựng Nghị định, để có thể sớm triển khai áp dụng ngay sau khi Nghị định có hiệu lực, Bộ Thông tin và Truyền thông đã và đang nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan. Một số nội dung chính bao gồm:

- Yêu cầu cơ bản trong thiết kế hệ thống thông tin;
- Hướng dẫn thực thi bảo vệ hệ thống thông tin;
- Quản lý sự cố an toàn thông tin;
- Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin;

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quy chế làm việc của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông xin gửi kèm theo công văn này dự thảo Nghị định đề Quý Cơ quan nghiên cứu, tham gia góp ý kiến.

Ý kiến góp ý xin gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin), 18 Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội, *trước thứ Sáu, ngày 27/5/2016*.

Chi tiết xin liên hệ: Ông Nguyễn Huy Dũng, Phó Cục trưởng Cục An toàn thông tin, Tổ trưởng Tổ biên tập, thư điện tử: nhdung@mic.gov.vn, điện thoại: 0922556666.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Cục ATTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thành Hưng

Tài liệu gửi kèm:

- Dự thảo Tờ trình Chính phủ;
- Dự thảo Nghị định.

Số: /TTr-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Dự thảo ngày 10/5/2016

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ
Về Nghị định quy định về
bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ an toàn thông tin

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ năm 2016, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng và hoàn chỉnh dự thảo Nghị định quy định về bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ an toàn thông tin, đồng thời gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ an toàn thông tin với những nội dung chủ yếu sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Thời gian vừa qua, lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ, được ứng dụng rộng rãi vào mọi mặt đời sống xã hội, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Thông tin trên mạng đã trở thành tài sản của mỗi cá nhân, tổ chức và thậm chí cả quốc gia. Các doanh nghiệp sẽ không thể tồn tại và phát triển nếu các thông tin hoặc hệ thống thông tin này bị đánh cắp hay bị phá hoại. Cải cách hành chính, chính phủ điện tử, thương mại điện tử và một loạt chương trình lớn của quốc gia sẽ không thể thực hiện được nếu an toàn thông tin không được bảo đảm.

Thời gian vừa qua, nhiều hệ thống thông tin của các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, bị tấn công, phá hoại, gây thiệt hại nhiều tỷ đồng. Đơn cử, ngày 13/10/2014, Trung tâm dữ liệu của một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trực tuyến lớn ở Việt Nam gặp sự cố. Sự cố này ảnh hưởng tới hàng trăm trang thông tin điện tử của Việt Nam, trong đó có một số hệ thống thương mại điện tử, một số tờ báo điện tử lớn có hàng triệu người đang sử dụng dịch vụ.

Chính vì vậy, việc tăng cường bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức nhà nước hay hệ thống cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp là hết sức quan trọng và cấp bách.

Trong nhiều trường hợp, tài sản thông tin của cá nhân, tổ chức này lại đang được lưu giữ trong hệ thống của cá nhân, tổ chức khác. Chẳng hạn, các bài viết trên một báo điện tử lớn đang được lưu trữ trong trung tâm dữ liệu của công ty cung cấp dịch vụ; hàng triệu thông tin cá nhân của người sử dụng đang được lưu trữ tại các doanh nghiệp viễn thông. Khi một tổ chức lưu giữ tài sản thông tin của một hay nhiều tổ chức, cá nhân khác, tổ chức này phải có một số trách nhiệm pháp lý tối thiểu trong việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn cho “tài sản mềm” đó. Hành lang pháp lý hiện hành đang còn thiếu những quy định về việc này.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, Luật an toàn thông tin mạng (Khoản 3 Điều 21) giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin theo từng cấp độ.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Quan điểm

Nghị định được xây dựng trên các quan điểm sau đây:

1.1. Kịp thời thể chế hóa các chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Quốc hội nhằm thúc đẩy triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin đúng mục tiêu, có hiệu quả, chất lượng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1.2. Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

1.3. Thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện phân cấp mạnh cho cơ sở, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm an toàn thông tin; đồng thời tăng cường vai trò quản lý nhà nước về an toàn thông tin.

1.4. Các quy định phải phù hợp với tình hình thực tế về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của đất nước, cơ chế, chính sách của giai đoạn hiện tại và có dự báo cho tương lai, bảo đảm tính khả thi cho các vùng, miền trong cả nước.

2. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và trách nhiệm bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo từng cấp độ.

Phạm vi điều chỉnh này thực hiện theo đúng quy định tại khoản 3, Điều 21 của Luật an toàn thông tin mạng.

3. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xây dựng, thiết lập, quản lý, vận hành, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin tại Việt Nam phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân liên quan khác áp dụng các quy định tại Nghị định này để bảo vệ hệ thống thông tin.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Thành lập Ban soạn thảo Nghị định và Tổ biên tập giúp việc cho Ban soạn thảo với các thành viên là đại diện của các Bộ, ngành và cơ quan liên quan (Văn phòng Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp và Bộ Thông tin và Truyền thông) theo Quyết định số 571/QĐ-BTTTT ngày 12/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Xây dựng dự thảo Nghị định, báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Nghị định, tiến hành tổ chức một số Hội thảo và nhiều cuộc họp với đại diện, Giám đốc công nghệ thông tin các Bộ, ngành, địa phương, các Sở Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị định.

3. Hoàn chỉnh dự thảo sau các cuộc hội thảo; đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định; gửi xin ý kiến góp ý bằng văn bản đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp nhà nước, hội, hiệp hội về công nghệ thông tin. Tiếp thu các ý kiến góp ý, Bộ Thông tin và Truyền thông đã hoàn chỉnh lại dự thảo, đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định và đã hoàn thiện lần cuối để trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định bao gồm 5 Chương, 27 Điều.

Chương I: Những quy định chung gồm 5 Điều (từ Điều 1 đến Điều 5)

Chương này quy định phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

Bên cạnh phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đã giải thích ở phần trên, Chương này đưa ra một số nguyên tắc chung, xuyên suốt mang tính định hướng như:

- Việc bảo đảm an toàn thông tin phải được thực hiện liên tục trong cả vòng đời của hệ thống thông tin (từ khâu lập kế hoạch, thiết kế, xây dựng, vận hành đến lúc thanh lý, hủy bỏ) tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Mọi đối tượng có quyền kết nối, truy cập hợp pháp vào hệ thống thông tin, đều là một cấu phần của hệ thống, do vậy, đều cần được bảo vệ và có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống.

- Việc xác định cấp độ là căn cứ để thực hiện các biện pháp bảo vệ. Trong bối cảnh nguồn lực có hạn, việc phân bổ, bố trí nguồn lực để bảo đảm an toàn thông tin thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ cấp độ cao xuống cấp độ thấp.

- Việc đầu tư các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin cần thực hiện theo hướng đồng bộ, tập trung, có phương án bảo vệ tổng thể, chia sẻ, dùng chung để khai thác tối ưu hiệu năng thiết bị và hiệu quả bảo vệ, tránh đầu tư thừa, trùng lặp, lãng phí.

Chương II: Tiêu chí xác định cấp độ gồm 7 Điều (từ Điều 6 đến Điều 12)

Chương này quy định nguyên tắc xác định cấp độ, phân loại thông tin và hệ thống thông tin và tiêu chí xác định các cấp độ từ 1 đến 5. Theo đó:

- Hệ thống thông tin phải xác định cấp độ là hệ thống thông tin có thể hoạt động tương đối độc lập, được thiết lập nhằm trực tiếp phục vụ hoặc hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ cụ thể của cơ quan, tổ chức. Việc quy định như vậy nhằm loại trừ các trường hợp chỉ lấy một thành phần hệ thống duy nhất như máy chủ, thiết bị đầu cuối, thiết bị mạng làm đối tượng phải xác định cấp độ.

- Hệ thống thông tin được xác định cấp độ căn cứ theo nguyên tắc phân loại hệ thống thông tin phân loại tài sản thông tin được lưu trữ, xử lý, trao đổi thông qua hệ thống thông tin đó.

Tiêu chí cụ thể được xây dựng căn cứ trên thực tiễn triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại Việt Nam thời gian qua, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác, cụ thể là:

+ Thông tin được phân loại thành: thông tin công công; thông tin riêng hoặc thông tin cá nhân; thông tin Mật, Tối Mật, Tuyệt Mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

+ Tham chiếu tới các cách thức phân loại khác đã được áp dụng thực tế thời gian qua như: dịch vụ công trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp trên môi trường mạng được phân loại thành 4 mức độ (từ mức độ 1 đến mức độ 4) theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP; công trình công nghiệp, xây dựng được phân loại thành 05 cấp (cấp Đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và cấp IV) theo pháp luật về xây dựng.

- Do an toàn thông tin là lĩnh vực mới, công nghệ thay đổi nhanh, nên để linh hoạt, dự thảo Nghị định giao Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của chủ quản hệ thống thông tin có hướng dẫn cụ thể về nhóm tiêu chí khác để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn mà dự thảo Nghị định chưa quy định.

Chương III: Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác định cấp độ gồm 7 Điều (từ Điều 13 đến Điều 19)

Chương này quy định thẩm quyền xác định cấp độ; trình tự, thủ tục xác định cấp độ đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin; trình tự, thủ tục xác định cấp độ đối với hệ thống thông tin đang vận hành; trình tự, thủ tục xác định lại cấp độ đối với hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ; hồ sơ đề xuất cấp độ; thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ và hồ sơ phê duyệt cấp độ.

Chương này thực hiện phân cấp mạnh cho chủ quản hệ thống thông tin và đơn vị vận hành hệ thống thông tin trong việc xác định cấp độ, cụ thể:

- Đơn vị vận hành hệ thống thông tin tự phê duyệt hồ sơ cấp độ đối với hệ thống thông tin xác định là cấp độ 1 và cấp độ 2, gửi báo cáo chủ quản hệ thống thông tin;

- Chủ quản hệ thống thông tin phê duyệt hồ sơ cấp độ đối với hệ thống thông tin xác định từ cấp độ 3 trở lên.

Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện thẩm định phương án bảo đảm an toàn thông tin trong hồ sơ đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin được đề xuất là cấp độ 4 hoặc cấp độ 5, trừ trường hợp các hệ thống thông tin do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin do mình quản lý.

Chương IV: Trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin gồm 6 Điều (từ Điều 20 đến Điều 25)

Chương này quy định trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; tổ chức, bộ máy bảo đảm an toàn thông tin; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và quản lý rủi ro an toàn thông tin; đào tạo ngắn hạn, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và diễn tập an toàn thông tin; kinh phí bảo đảm an toàn thông tin.

Bên cạnh việc quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, Chương này quy định về tổ chức, bộ máy, giao cho các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng ban hành chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan tổ chức nhà nước; bố trí kinh phí cho hoạt động đảm bảo an toàn thông tin, theo đó:

- Ngân sách Trung ương bảo đảm kinh phí đối với các hoạt động nói trên đối với các cơ quan trung ương và đối với chủ quản hệ thống thông tin cấp độ 4 và cấp độ 5;

- Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí đối với các hoạt động do địa phương thực hiện và các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở xuống thuộc phạm vi địa phương quản lý.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đầu tư công, kinh phí sự nghiệp chi cho công tác bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

Chương V: Điều khoản thi hành, gồm 2 Điều (Điều 26 và Điều 27)

Chương này quy định nội dung tổ chức thực hiện; hiệu lực thi hành.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Trong quá trình soạn thảo Nghị định, Bộ Thông tin và Truyền thông đã gửi dự thảo xin ý kiến góp ý bằng văn bản đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp nhà nước, hội, hiệp hội về công nghệ thông tin.

Qua tổng hợp các ý kiến góp ý cho thấy, hầu hết các Bộ, ngành và địa phương, doanh nghiệp nhà nước, hội, hiệp hội đều thống nhất với sự cần thiết phải xây dựng Nghị định, thống nhất với kết cấu và nội dung của dự thảo Nghị định. Một số nội dung góp ý của các Bộ, ngành và địa phương, doanh nghiệp

nhà nước, hội, hiệp hội, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp thu loại bỏ khỏi dự thảo; một số nội dung, đã tiếp thu, chỉnh sửa; một số nội dung, đề nghị được bảo lưu. Giải trình tiếp thu ý kiến được thể hiện tại Bảng tổng hợp giải trình góp ý về dự thảo Nghị định trong hồ sơ gửi kèm Tờ trình này. Một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau được giải trình dưới đây:

1. Về [tiêu đề ý kiến]

Một số ý kiến đề nghị [mô tả tóm tắt nội dung ý kiến].

- *Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình:*

[Giải trình].

2. ...

Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ an toàn thông tin để xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thứ trưởng Nguyễn Thành Hưng;
- Lưu: VT, CATT.

BỘ TRƯỞNG

Trương Minh Tuấn

Văn bản trình kèm theo:

- Dự thảo 4 Nghị định;
- Báo cáo đánh giá tác động văn bản;
- Bản thuyết minh chi tiết dự thảo Nghị định;
- Báo cáo giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
- Bản tổng hợp giải trình ý kiến góp ý các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, hội, hiệp hội;
- Bản sao ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, hội, hiệp hội.

Số: /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO 2

10/5/2016

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ an toàn thông tin,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và trách nhiệm bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo từng cấp độ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xây dựng, thiết lập, quản lý, vận hành, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin tại Việt Nam phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân liên quan khác áp dụng các quy định tại Nghị định này để bảo vệ hệ thống thông tin.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chủ quản hệ thống thông tin* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý trực tiếp đối với hệ thống thông tin. Đối với cơ quan, tổ chức nhà nước, chủ quản hệ thống thông tin là cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án xây dựng, thiết lập, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin đó.

2. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin là cơ quan, tổ chức được chủ quản hệ thống thông tin giao nhiệm vụ vận hành hệ thống thông tin.

3. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của chủ quản hệ thống thông tin do chủ quản hệ thống thông tin chỉ định.

4. Dịch vụ trực tuyến bao gồm dịch vụ công trực tuyến (dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác) của cơ quan nhà nước được cung cấp và dịch vụ trực tuyến khác do doanh nghiệp cung cấp.

5. Công trình xây dựng bao gồm công trình dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình khác. Cấp công trình được phân loại thành 05 cấp, bao gồm cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV, theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

1. Việc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ được thực hiện thường xuyên, liên tục từ khâu lập kế hoạch, thiết kế, xây dựng, vận hành đến lúc thanh lý, hủy bỏ; tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Người sử dụng kết nối, truy cập hợp pháp vào hệ thống thông tin có trách nhiệm tuân thủ quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành.

3. Hệ thống thông tin kết nối trực tiếp với nhau phải thuộc cùng một cấp độ hoặc thuộc hai cấp độ liên tiếp nhau.

4. Yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo từng cấp độ là yêu cầu tối thiểu tương ứng với cấp độ đó.

Điều 5. Bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm

1. Việc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phải tuân thủ nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Việc phân bổ, bố trí nguồn lực để bảo đảm an toàn thông tin thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ cấp độ cao xuống cấp độ thấp.

3. Cơ quan, tổ chức phải có phương án tổng thể, đồng bộ, tập trung trong việc đầu tư các giải pháp để bảo vệ các hệ thống thông tin thuộc quyền quản lý của mình, có phương án chia sẻ, giải pháp dùng chung để khai thác tối ưu hiệu năng thiết bị, tránh đầu tư thừa, trùng lặp.

Chương II

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CẤP ĐỘ

Điều 6. Nguyên tắc xác định cấp độ

1. Hệ thống thông tin phải xác định cấp độ là hệ thống thông tin có thể hoạt động tương đối độc lập, được thiết lập nhằm trực tiếp phục vụ hoặc cùng hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ, sản xuất, kinh doanh cụ thể của cơ quan, tổ chức.

2. Trong trường hợp hệ thống thông tin bao gồm nhiều hệ thống thành phần, mỗi hệ thống thành phần lại tương ứng với một cấp độ khác nhau, thì cấp độ hệ thống thông tin được xác định là cấp độ cao nhất của các hệ thống thành phần cấu thành.

3. Căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của chủ quản hệ thống thông tin:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về tiêu chí quy định tại khoản 3 của Điều 9; khoản 5 của Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Nghị định này;

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn về tiêu chí quy định tại khoản 1 của Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 7. Phân loại thông tin và hệ thống thông tin

1. Thông tin truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua hệ thống thông tin được phân loại theo thuộc tính bí mật như sau:

a) Thông tin công cộng là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân được công khai cho tất cả các đối tượng mà không cần xác định danh tính, địa chỉ cụ thể của các đối tượng đó;

b) Thông tin riêng là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân mà tổ chức, cá nhân đó không công khai hoặc chỉ công khai cho một hoặc một nhóm đối tượng đã được xác định danh tính, địa chỉ cụ thể;

c) Thông tin cá nhân là thông tin trên mạng gắn với việc xác định danh tính một người cụ thể;

d) Thông tin bí mật nhà nước là thông tin ở mức Mật, Tối Mật, Tuyệt Mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Hệ thống thông tin là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý và trao đổi thông tin trên mạng.